TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 09/11/2018.
Về việc: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông **Lê Văn An**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/. Ông Võ Thanh Bình.

2/. Bà Phạm Hồng Gái.

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 316/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc: "*Xin ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2018/QSSST-HNGĐ, ngày 31/10/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Trần Thị C**, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 8, ấp Hòn Đất, xã TS, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: Anh **Ngô Đ**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Hòn Me, xã TS, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày như sau:***

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Ngô Đ chung sống với nhau vào năm 2011 (không tổ chức đám cưới) nhưng đến năm 2015 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 02/3/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng sau đó thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Đ không lo lắng cho gia đình và thường xuyên sử dụng rượu bia dẫn đến việc vợ chồng hay xảy ra cự cãi, anh Đ còn nhiều lần đánh chị C. Chị C bỏ về nhà mẹ ruột sống hơn một năm nay và sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên chị C yêu cầu được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh Đ có hai người con chung tên Ngô Phước Vỹ, sinh ngày 11/10/2011 và Ngô Phước Dương, sinh ngày 02/7/2015. Hiện tại các con chung đang sống cùng chị C. Ly chị C yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Ngô Đ:* Quá trình làm việc Tòa án đã đến nhà để tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, các tài liệu chứng cứ, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Mặt khác cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản ý kiến nào của anh Đ về yêu cầu khởi kiện của chị C do đó anh Đ không có lời khai trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Ngô Đ đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Ngô Đ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị Trần Thị C và anh Ngô Đ. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị C và anh Ngô Đ là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 02/3/2015. Quá trình chung sống giữa chị C và anh Đ phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp với nhau nên thường xuyên cãi vã, bất hòa. Hiện nay chị C và anh Đ đã sống ly thân hơn một năm nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy hiện chị C và anh Đ đã sống ly thân với nhau hơn một năm nay, hiện tại anh chị không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, không còn giúp đỡ nhau và nghĩa vụ sống chung của vợ chồng cũng không còn theo quy định tại

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chứng tỏ cuộc hôn nhân giữa chị C và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin được ly hôn của chị C với anh Đ là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị C và anh Đ có hai người con chung tên Ngô Phước Vỹ, sinh ngày 11/10/2011 và Ngô Phước Dương, sinh ngày 02/7/2015. Hiện tại các con chung đang sống cùng chị C. Ly hôn chị C yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX nhận thấy yêu cầu của chị C là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ từ trước đến nay chị C là người trực tiếp chăm sóc cháu Vỹ và cháu Dương, hiện hai cháu cũng đang sống cùng chị C, các cháu đã quen với cách chăm sóc cũng như môi trường sống hiện tại do đó việc giao các con cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là điều cần thiết, đảm bảo cho sự phát triển về mặt vất chất cũng như tinh thần cho các cháu. Đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Vỹ.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, do chị C không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó HĐXX miễn xét.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 19, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** <u>Tuyên Xử</u>:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Chị Trần Thị C được ly hôn với anh Ngô Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Phước Vỹ, sinh ngày 11/10/2011 và cháu Ngô Phước Dương, sinh ngày 02/7/2015 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Ngô Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị C không yêu cầu.

Anh Ngô Đ có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006991, ngày 06/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị C không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn An